

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HSST
Ngày 07/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thiều Quang An;
Bà Lê Thị My.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Minh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 6 năm 2025, đối với:

Bị cáo: Trương Văn T, sinh ngày 20/10/1989, tại Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị); nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã H, tỉnh Quảng Trị); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trương Trung L, sinh năm 1962 và bà Phan Thị Thanh T1 (đã chết); vợ: Chị Dương Thị Ánh N, sinh năm 1998 và có 02 con: Lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, từ ngày 07/5/2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

Bị hại: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm: 1978; trú tại: Khóm D, thị trấn B, huyện V (nay là xã B), tỉnh Quảng Trị, vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1991; trú tại: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã S, tỉnh Quảng Trị), vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Đàm Thị T2, sinh năm: 1984; trú tại: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị), vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 17/03/2025, Trương Văn T điều khiển xe ô tô 73H- 003.30 lưu thông trên đường H theo hướng từ tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) vào thành phố H. Khi đến thị trấn B, huyện V (nay là xã B), tỉnh Quảng Trị thì T đỗ xe lại trên đường để nghỉ ngơi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T dậy đi vệ sinh thì phát hiện dưới gầm đuôi xe Container (không gắn Biển số kiểm soát) của ông Đoàn Văn Đ đang đỗ trong bãi đất trống sát đường H có 02 lớp dự phòng và không người trông giữ, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Sau đó, T lấy 02 Cờ lê có sẵn trên xe ô tô 73H-003.30 tháo 02 lớp dự phòng trên xe Container của ông Đ đưa sang treo phía sau đuôi xe ô tô 73H-003.30. Đến khoảng 03 giờ ngày 18/3/2025, T đưa 02 lớp xe trên đến bán cho anh Nguyễn Văn S, với giá 7.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên T đã tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 207/KL-HĐĐGTS ngày 24/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện V, kết luận: Tổng trị giá của 02 lớp xe ô tô là: 16.700.000 đồng.

Quá trình điều tra đã thu giữ: 02 Cờ lê bằng kim loại.

Về dân sự:

Bị cáo Trương Văn T đã bồi thường cho bị hại ông Đoàn Văn Đ 17.000.000 đồng. Bị hại ông Đoàn Văn Đ đã nhận đủ số tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S không có yêu cầu về dân sự.

Về trách nhiệm hình sự: Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số: 64/CT-VKS - P2 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, đã truy tố bị cáo Trương Văn T, về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Trương Văn T: Từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ: 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/7/2025). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra trong vụ án này, ông Nguyễn Văn S mua 02 lớp xe ô tô mà bị cáo chiếm đoạt nhưng ông S không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên đề nghị không xem xét trách nhiệm hình sự. Xe ô tô 73H-003.30 thuộc sở hữu của bà Đàm Thị T2 giao cho bị cáo đi giao hàng nhưng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, bà T2 không biết và không hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đề nghị không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại ông Đoàn Văn Đ. Bị hại ông Đoàn Văn Đ đã nhận đủ số tiền bồi thường. Nay, bị hại không có yêu cầu, ý

kiến gì thêm nên đề nghị không xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S không có yêu cầu về dân sự nên đề nghị không xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 02 Cờ lê bằng kim loại của bà Đàm Thị T2, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trương Văn T: Đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận tội danh như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố là đúng, đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo chỉ có nguyện vọng xin Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, địa chỉ nơi cư trú ổn định của bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, có cơ hội lao động phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp;

Bị hại ông Đoàn Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn S, bà Đàm Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, ông Đ, bà T2 và anh S đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án nên xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với đơn trình báo về việc bị mất tài sản; biên bản xác định hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, lời khai của bị cáo, bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Trương Văn T là người có đầy đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự. Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, khoảng 23 giờ ngày 17/3/2025, tại đoạn đường H thuộc địa phận thị trấn B, huyện V (nay là xã B), tỉnh Quảng Trị, T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 lớp dự phòng ô tô của ông Đoàn Văn Đ, theo bản kết luận định giá tài sản, tổng trị giá của 02 lớp xe ô tô là: 16.700.000đ (*mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*). Hành vi nêu trên của Trương Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của chủ sở hữu, mà còn gây mất trật tự, trị an trên địa bàn. Bản thân bị cáo nhận thức rõ được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi, bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt thỏa đáng để giáo dục trực tiếp đối với bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên cũng cần xem xét: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại đầy đủ cho bị hại để khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, cha bị cáo là người có công với cách mạng, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, lại có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình, phải nuôi hai con nhỏ đang tuổi ăn học, trước lần phạm tội này, luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nên có đủ khả năng để tự cải tạo. Vì vậy, cần chấp nhận ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề áp dụng khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, đưa ra mức án ngang mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo, nhưng không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo; giao bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, qua đó thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội vừa cải tạo, vừa lao động để phụ giúp gia đình, chăm sóc nuôi dưỡng các con nhỏ đang tuổi ăn học.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ đang trong độ tuổi ăn học nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra trong vụ án này, ông Nguyễn Văn S đã mua 02 lớp xe ô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt nhưng ông S không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, nên không xem xét trách nhiệm hình sự. Xe ô tô 73H-003.30 thuộc sở hữu của bà Đàm Thị T2 giao cho bị cáo đi giao hàng, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội như bà T2 không biết và không hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường và không có yêu cầu, ý kiến gì thêm nên không xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S không có yêu cầu về dân sự nên không xét.

[5]. Về xử lý vật chứng: Đối với 02 (hai) cái Cờ lê của bà Đàm Thị T2, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị xử phạt hình phạt tù nhưng được hưởng án treo nên không cần thiết phải tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn. Vì vậy, hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 18/2025/HSST-LCĐKNCT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn T: 06 (sáu) tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/7/2025).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

[2]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) Cờ lê làm bằng kim loại, màu trắng, bê trên có dòng chữ “CHROME-VANADIUM; YETI USA standard 24, kích thước dài 28cm, đã qua sử dụng; 01 (một) Cờ lê làm bằng kim loại, màu trắng, bê trên có dòng chữ “CHROME-VANADIUM; YETI USA standard 32, kích thước dài 36,5cm, đã qua sử dụng;

Các vật chứng trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8, tỉnh Quảng Trị) theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26 tháng 6 năm 2025.

[3]. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Buộc bị cáo Trương Văn T phải chịu: 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định liên quan đến quyền lợi,

nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND Khu vực 8;
- Cục. THADS T.Quảng Trị;
- CQĐT CA T.Quảng Trị;
- TAND T.Quảng Trị;
- VKSND T.Quảng Trị;
- Sở Tư pháp T.Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Đức Minh